

TÒA ÁN NHÂN DÂN

HUYỆN N

TỈNH KON TUM

Bản án số: 44/2021/HS-ST

Ngày 27-10-2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH KON TUM

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hảo;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Ngọc Lễ (giáo viên); Ông Nguyễn Văn Thủy;

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Kon Tum.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Ông Hà Sỹ Thái – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Kon Tum xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 51/2021/TLST – HS ngày 01-10-2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2021/QĐXXST-HS ngày 14-10-2021, đối với bị cáo:

A X; Tên gọi khác: X; Sinh ngày 01/5/2005; Nơi sinh: N, Kon Tum; Nơi đăng ký HKTT và nơi ở: Thôn B, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: Không nghề nghiệp; Trình độ văn hóa: 0/12; Dân tộc: Xê Đăng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông A Ch (đã chết) và bà Y M; Chưa có vợ con; Anh chị em ruột có 04 người, bị cáo là con thứ ba trong gia đình.

Tiền án: Không;

Tiền sự: 02 tiền sự (Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 37/QĐ-XPHC ngày 24/8/2000 của Công an thị trấn P, huyện N phạt cảnh cáo về hành vi “*xâm hại đến sức khỏe của người khác*”; Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 09/QĐ-XPHC ngày 30/3/2021 của Công an huyện N phạt cảnh cáo về hành vi “*sử dụng trái phép chất ma túy*”).

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 12/8/2021 đến nay; có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp cho A X: Bà Y M (mẹ đẻ), sinh năm 1978; Nơi cư trú: Thôn B, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo A X: Bà Đặng Thị K – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh K; có mặt.

Các bị hại:

- Bà Bùi Thị T, sinh năm 1984; (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);
- Ông A Nh, sinh năm 1967; có mặt;

Cùng nơi cư trú: Thôn B, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh A Đ, sinh năm 1999; Nơi cư trú: Thôn B, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum; có mặt.

Những người làm chứng: Ông Bùi Thành L; Ông A Đ;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 18 giờ ngày 13/7/2021, A X đi bộ một mình vòng quanh khu dân cư ở thôn B, thị trấn P xem có nhà nào sơ hở, đột nhập vào nhà lấy tài sản để đem bán. Khi đi ngang trước nhà chị Bùi Thị T, X nhìn thấy phía trước cổng nhà khóa cửa, trong nhà bật điện sáng. Thấy vậy, X nảy sinh ý định đột nhập vào bên trong nhà để lấy tài sản. X đi bộ vòng ra phía sau nhà chị T đến chỗ tường rào xây, trèo qua hàng rào đột nhập vào bên trong sân sau nhà chị T, thấy cửa sau nhà chị T mở, trong nhà bật điện sáng, không có người, X đi vào trong nhà thấy trên bếp nhà chị T có để một số thức ăn nên đã lấy bỏ vào trong túi nilon để mang về nhà ăn. Đúng lúc này, X nghe thấy tiếng chuông điện thoại trong phòng ngủ, tiếp giáp với phòng bếp. X liền nhanh chóng đi vào thì thấy 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY A31 màu xanh dương đang để ở trên giường. Thấy vậy, X liền lấy chiếc điện thoại bỏ vào túi áo khoác bên trái đang mặc trên người. X tiếp tục lục tìm tài sản trong phòng ngủ, khi lục tìm túi xách treo trên tủ cạnh giường ngủ, X phát hiện bên trong có 01 chiếc điện thoại di động hiệu IPHONE 6S, màu xám tro, X liền lấy tiếp chiếc điện thoại này bỏ trong túi quần đang mặc, rồi nhanh chóng rời khỏi nhà chị T theo đường cũ về nhà. Khi về nhà X ăn hết số đồ ăn lấy trộm nhà chị T rồi đi ngủ.

Đến sáng ngày 14/7/2021, Xiết mang chiếc điện thoại SAMSUNG GALAXY A31 đến gặp anh A Đ trú cùng thôn để bán. Khi bán điện thoại cho anh A Đ, Xiết nói “*em cầm cố của thằng bạn chiếc điện thoại này với số tiền là*

1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng), bây giờ nó không có tiền chuộc lại kêu em bán đi để lấy lại tiền, anh mua không em bán cho?”. Nói xong X lấy chiếc điện thoại SAMSUNG GALAXY A31 đưa cho anh Đ xem. Anh Đ xem điện thoại thấy điện thoại bị khóa màn hình không mở được nên hỏi X “mật khẩu là gì?” thì X nói “khi cấm bạn em không nói mật khẩu nên em không biết”. Nghe X nói vậy, anh Đ không nghi ngờ, không hỏi gì thêm mà đồng ý mua chiếc điện thoại của X giá 1.500.000đ. X nhận tiền về, dùng 1.000.000đ để trả cho Tùng số tiền sửa xe mô tô mà X làm hư hỏng trước đó. Số tiền còn lại X tiêu xài cá nhân hết. Sau khi mua chiếc điện thoại của X, anh A Đ mang đến tiệm sửa chữa điện thoại của anh Bùi Thành L tại tổ N, thị trấn P để mở khóa, sửa chữa, bao bọc lại hết 1.200.000đ rồi mang về nhà sử dụng.

Sau khi chị T phát hiện bị mất 02 chiếc điện thoại đã đi dò hỏi người dân trong thôn. Biết được A Đ vừa mua chiếc điện thoại SAMSUNG GALAXY A31 màu xanh dương của mình từ A X. Chị T đã đến gặp anh Đ xin chuộc lại. Đồng thời trình báo Công an thị trấn P xác minh làm rõ. Đến ngày 18/7/2021, Công an thị trấn P phát hiện X đang cất giấu chiếc điện thoại di động IPHONE 6S, màu xám tro của chị T trên người nên đã mời về trụ sở làm việc. Tại trụ sở Công an thị trấn P, X đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 300/KL-HĐ ngày 21-7-2021 của Hội đồng định giá tài sản xác định: 01 điện thoại di động, nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY A31, màu xanh dương, số kiểu máy SM-A315G/DS, đã qua sử dụng, có giá: 2.800.000đ (Hai triệu tám trăm nghìn đồng). 01 điện thoại di động, nhãn hiệu IPHONE 6S, màu xám tro, số kiểu máy MKRC2LL/A, đã qua sử dụng, có giá: 1.160.000đ (Một triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng). Tổng giá trị 02 điện thoại 3.960.000đ (Ba triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng).

Vụ thứ hai: Khoảng 20 giờ 20 phút ngày 28/7/2021, A X đi đến nhà ông A Đ cùng thôn để rủ con trai ông A Đ là A H đi chơi. Khi đến nơi X thấy có ông A Nh, A Đ, A Đ, Y K đang cùng ngồi nói chuyện, uống rượu với nhau ở phòng khách. A X hỏi ông A Đ “A H có ở nhà không?” thì ông A Đ trả lời “không có”. Thấy X đến, A Nh đã nói trêu đùa với A X “Mẹ có ở nhà không tí chú qua ngủ”. Nghe ông A Nh nói vậy, A X không trả lời mà bỏ đi về nhà. Khi về đến nhà, X nghĩ đã rất nhiều lần bị ông A Nh nói trêu đùa như vậy, thấy bức tức và nảy sinh ý định gây thương tích cho A Nh. A X cầm một con dao quắm trong nhà và điều khiển xe mô tô không rõ biển số mượn của bạn tên A Ph quay trở lại nhà A Đ rồi dựng xe trước nhà, sau đó đi bộ tới chỗ A Nh đang ngồi, tay phải cầm dao kề vào vùng quai hàm bên trái A Nh cửa một nhát từ trước ra sau gây thương tích chảy máu. Thấy vậy, A Đ đang ngồi ở bên cạnh A Nh liền giật được con dao từ tay A X ném xuống đất và cùng mọi người can ngăn đẩy A X ra khỏi nhà. Sau

đó, A Nh được mọi người đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa khu vực N. Còn X điều khiển xe mô tô đi về nhà ngủ. Đến sáng hôm sau, X đem xe mô tô sử dụng đi gây thương tích cho A Nh đến khu vực cổng chào thôn Đ, xã Đ, huyện N trả xe cho A Ph rồi đi bộ một mình về nhà.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 115/TgT-TTPY ngày 16/8/2021 của Trung tâm pháp y Sở y tế tỉnh Kon Tum kết luận: Sẹo vết thương vùng má bên trái kích thước nhỏ 03%; sẹo xước da vùng cổ bên trái kích thước nhỏ 02%. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của ông A Nh tại thời điểm giám định 4,94%, làm tròn 5% (*Năm phần trăm*).

Tại bản cáo trạng số: 35/CT-VKS ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố A X về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 và tội “*Cố ý gây thương tích*” theo các điểm a, i khoản 1 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N đề nghị Hội đồng xét xử, như sau:

Đối với hành vi của A Đ đã mua chiếc điện thoại SAMSUNG GALAXY A31, màu xanh dương của A X. A Đ không biết đó là tài sản do trộm cắp mà có nên không phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

Đối với người tên A Ph đã cho A X mượn xe mô tô. A X đã sử dụng xe này đi gây thương tích cho ông A Nh. Theo lời khai của A X không biết rõ nhân thân và nơi cư trú của A Ph. Khi mượn xe mục đích để đi chơi, không phải mục đích để đi gây thương tích cho ông A Nh. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành xác minh, truy tìm nhưng chưa xác định được nhân thân, lai lịch của A Ph. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N tách ra để tiếp tục điều tra, xác minh A Ph và xử lý sau khi có đủ căn cứ.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên cáo trạng truy tố bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng: Đề nghị không áp dụng tình tiết tăng nặng với cả hai tội đối với bị cáo.

Về tình tiết giảm nhẹ: Cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ “*thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, đối với cả hai tội. Riêng tội “*Trộm cắp tài sản*” cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết “*phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn*” theo điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Về tội “*Cố ý gây thương tích*”, cho bị cáo được hưởng tình tiết “*bị hại cũng có phần lỗi*” theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Đề nghị tuyên phạt A X về tội “*Trộm cắp tài sản*” và tội “*Cố ý gây thương tích*”, mỗi tội từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù và tổng hợp mức hình phạt chung của hai tội để buộc bị cáo phải chấp hành. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu và tiêu hủy 01 con dao quắm A X dùng gây thương tích cho ông A Nh.

Về trách nhiệm dân sự: Vì A X còn tuổi vị thành niên, không có tài sản riêng. Đề nghị công nhận thỏa thuận tại phiên tòa về trách nhiệm bồi thường giữa bị cáo; người đại diện hợp pháp của bị cáo với ông A Nh.

Về án phí: Gia đình bị cáo thuộc hộ cận nghèo nên miễn án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

Tại phiên tòa: A X thừa nhận hành vi phạm tội đúng như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố. A X và bà Y M thỏa thuận thống nhất nhận bồi thường cho ông A Nh toàn bộ thiệt hại về sức khỏe là 5.000.000đ (*năm triệu đồng*), thời gian bồi thường khi án có hiệu lực pháp luật. Chậm bồi thường chịu lãi 10%/năm/số tiền chậm bồi thường.

- Người bào chữa cho bị cáo trình bày ý kiến: Tại phiên tòa hôm nay cho thấy hành vi phạm tội của bị cáo đúng như Viện kiểm sát đã truy tố. Mong Hội đồng xét xử xem xét đến nhân thân, hoàn cảnh gia đình, bị cáo là người dân tộc thiểu số, nghèo khó, tuổi đời còn nhỏ lại không được đi học nên nhận thức và suy nghĩ còn hạn chế. Bị cáo phạm tội nhất thời, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ đúng như đại diện Viện kiểm sát đề nghị. Đề nghị áp dụng Điều 90, 91 của Bộ luật hình sự cho bị cáo phạm tội dưới 18 tuổi. Cho bị cáo được hưởng mức thấp nhất của khung hình phạt đối với cả hai tội. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Giữa bị cáo, người đại diện của bị cáo với ông A Nh đã thỏa thuận được vấn đề bồi thường, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận nội dung thỏa thuận này.

Miễn toàn bộ án phí cho bị cáo vì thuộc gia đình cận nghèo và đã có đơn xin miễn.

- Bị hại là chị Bùi Thị T trình bày: Chị đã nhận lại 02 chiếc điện thoại di động mà A X lấy trộm. Đã trả cho anh A Đ hết 2.700.000đ (*Hai triệu, bảy trăm nghìn đồng*) tiền chuộc lại điện thoại. Thấy gia đình nhà A X quá nghèo nên chị không yêu cầu giải quyết về trách nhiệm dân sự.

- Bị hại là ông A Nh trình bày: Nguyên nhân A X gây thương tích cho ông có phần lỗi do ông trêu đùa hơi quá. Ông xin rút lại số tiền yêu cầu bồi thường toàn bộ thiệt hại sức khỏe từ 7.000.000đ (*bảy triệu đồng*) xuống còn 5.000.000đ (*năm triệu đồng*). Thông nhất A X không có tiền bồi thường nên bà Y M có trách nhiệm bồi thường cho ông; thời gian bồi thường khi án có hiệu lực pháp luật. Nếu chậm bồi thường phải chịu lãi 10%/năm/số tiền chậm bồi thường.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh A Đ trình bày: Khi mua chiếc điện thoại SAMSUNG GALAXY A31 của A X, vì A X nói dối nhận cầm của người bạn nên không biết đó là tài sản do trộm cắp mà có. Tính cả tiền mua điện thoại, sửa chữa, bao bọc lại hết 2.700.000đ (*Hai triệu bảy trăm nghìn đồng*). Anh đã nhận của chị Bùi Thị T 2.700.000đ. Anh không yêu cầu gì thêm nữa.

- Người làm chứng là ông A Đ trình bày: Khoảng hơn 08 giờ tối ngày 28/7/2021, A X đi xe mô tô đến nhà thì A Nh có nói trêu đùa “*Mẹ có ở nhà không tí chú qua ngủ*”. Nghe xong A X không nói gì, đi về, khoảng 15 phút sau A X quay lại cầm dao cửa vùng hàm cổ A Nh một nhát, gây thương tích cho A Nh.

- Người làm chứng là ông Bùi Thành L trình bày: Thừa nhận đã mở khóa, bao bọc lại chiếc điện thoại SAMSUNG GALAXY A31 cho anh A Đ. Chi phí hết cụ thể bao nhiêu thì ông không nhớ chính xác. Ông không biết đây là tài sản do trộm cắp mà có.

-Lời nói sau cùng của bị cáo: Vì nhà nghèo không được đi học nên hiểu biết không nhiều. Bị cáo thấy ăn năn hối cải lắm rồi, xin lỗi bị hại, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và bị cáo hứa không bao giờ phạm tội nữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án. Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]Về hành vi quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của A X: Tại phiên tòa A X thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố. Lời khai của A X tại phiên tòa phù hợp với các lời khai, tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, thể hiện:

Về hành vi thứ nhất: Khoảng 18 giờ ngày 13/7/2021, A X đã có hành vi trèo qua tường rào phía sau nhà chị Bùi Thị T. Đột nhập vào bên trong nhà lấy khoảng 02 bát cơm nguội và ít thức ăn ở phòng bếp. Sau đó A X đến phòng ngủ lấy 02 chiếc điện thoại SAMSUNG GALAXY A31 màu xanh dương và IPHONE 6S, màu xám tro, rồi chuồn ra ngoài theo lối cũ về nhà. Theo bản Kết luận định giá tài sản số: 300/KL-HĐ ngày 21-7-2021 của Hội đồng định giá tài sản xác định: Tổng giá trị của 02 chiếc điện thoại này là: 3.960.000đ (*Ba triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng*). Riêng 02 bát cơm nguội và ít thức ăn không có giá trị nên chị T không yêu cầu. Như vậy bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là xâm phạm đến quyền sở hữu đối với tài sản. Phạm vào khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự, có mức khung hình phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Về hành vi thứ hai: Khoảng 20 giờ 20 phút ngày 28/7/2021, A X đi đến nhà ông A Đ cùng thôn để rủ con trai ông Đ là A H đi chơi. Khi đến nơi, sau khi nghe ông A Nh nói trêu đùa với A X là “*Mẹ có ở nhà không tí chú qua ngủ*”, cảm thấy bức tức vì đã bị ông A Nh trêu đùa nhiều lần nên A X về nhà cầm theo con dao quắm, dài 45cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 23cm, rộng 0,2cm – 3,2cm quay lại nhà ông A Đ. A X dùng dao kè vào vùng quai hàm bên trái ông A Nh cửa một nhát từ trước ra sau gây thương tích cho ông A Nh. Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 115/TgT-TTPY ngày 16/8/2021 của Trung tâm pháp y Sở y tế tỉnh Kon Tum kết luận: Sẹo vùng má trái, sẹo xước da vùng cổ trái, tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của ông A Nh tại thời điểm giám định 4,94%, làm tròn 5% (*Năm phần trăm*). Như vậy có đủ cơ sở khẳng định tuy tỷ lệ thương tích gây ra cho bị hại dưới 11% nhưng bị cáo đã dùng dao được coi là hung khí nguy hiểm và có tính chất côn đồ thể hiện sự hung hãn, coi thường tính mạng, sức khỏe của người khác, coi thường trật tự pháp luật, chỉ vì nguyên cớ nhỏ nhặt đã gây thương tích cho bị hại. Hành vi của A X đã phạm vào các điểm a, i khoản 1 Điều 134 của Bộ luật hình sự, có mức khung hình phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Trong quá trình thực hiện các tội phạm trên A X đều có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, lỗi cố ý, đủ yếu tố cấu thành tội phạm; mức độ tội phạm gây ra là nguy hiểm cho xã hội. Vì vậy bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Kon Tum truy tố về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 và tội “*Cố ý gây thương tích*” theo các điểm a, i khoản 1 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Đối với các hành vi có liên quan khác:

Đối với hành vi của A Đ đã mua chiếc điện thoại SAMSUNG GALAXY A31, màu xanh dương của A X. Anh A Đ không biết đó là tài sản do trộm cắp mà có nên không phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

Đối với người tên A Ph đã cho A X mượn xe mô tô ngoài đường. A X đã sử dụng xe này đi gây thương tích cho ông A Nh. A X không biết rõ nhân thân và nơi cư trú của A Ph. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành xác minh, truy tìm nhưng chưa xác định được nhân thân, lai lịch của A Ph. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N tách ra để tiếp tục điều tra, xác minh và xử lý sau khi có đủ căn cứ nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Không áp dụng tình tiết tăng nặng đối với bị cáo về cả hai tội.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong suốt quá trình tham gia tố tụng từ điều tra – truy tố – xét xử bị cáo thể hiện “*thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” nên cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự với cả hai tội. Ngoài ra, cho A X được hưởng tình tiết “*Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn*” theo điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Đối với tội “*Cố ý gây thương tích*”, mỗi khi gặp A X, ông A Nh đã nhiều lần trêu đùa “*Mẹ có ở nhà không tí chú qua ngủ*”. Chính câu nói đùa thiếu tế nhị của ông A Nh khi A X mới hơn 16 tuổi, đang ở độ tuổi vị thành niên suy nghĩ còn nông nổi, nhận thức có phần hạn chế nên đã gây ra sự bức xúc, dẫn đến hành vi phạm tội của A X. Vì vậy, ông A Nh cũng có phần lỗi nên cho A X hưởng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt: Trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân xấu, phạm nhiều tội, nếu áp dụng hình phạt và biện pháp giáo dục khác không có tác dụng răn đe, phòng ngừa. Do đó cần áp dụng hình phạt cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo bị cáo. Khi lượng hình Hội đồng xét xử cân nhắc vào nguyên nhân, tính chất, động cơ, mức độ phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ của từng tội. Áp dụng điều 90, 91 của Bộ luật hình sự để đưa ra mức hình phạt phù hợp đối với bị cáo phạm tội dưới 18 tuổi.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với người dưới 18 tuổi phạm tội theo quy định tại khoản 6 Điều 91 của Bộ luật hình sự.

[6] Về việc tổng hợp hình phạt:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật hình sự: Tuyên hình phạt tù từng tội đối với bị cáo và tổng hợp hình phạt chung buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của cả hai tội.

[7] Về xử lý vật chứng: Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự đánh giá và xử lý như sau:

Đối với con dao quắm A X sử dụng làm công cụ phạm tội, không có giá trị cần tịch thu và tiêu hủy.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa giữa bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo và bị hại là ông A Nh đã thống nhất được với nhau về việc bồi thường thiệt hại, yêu cầu Hội đồng xét xử ghi nhận, như sau:

A X có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho ông A Nh số tiền 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*), bao gồm chi phí cho việc cứu chữa, phục hồi sức khỏe, thu nhập thực tế bị mất trong thời gian ông A Nh điều trị thương tích, thời gian nghỉ dưỡng, bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần. Thời gian bồi thường khi án có hiệu lực pháp luật. Nếu chậm bồi thường phải chịu lãi 10%/năm/số tiền chậm bồi thường.

Vì A X không có tài sản của mình để bồi thường nên bà Y M là mẹ đẻ A X có trách nhiệm bồi thường thay cho A X.

Nội dung thỏa thuận giữa bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo và bị hại là ông A Nh không trái quy định pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 điều 584, khoản 1 điều 585, khoản 2 Điều 586, Điều 589, 590, 357 của Bộ luật dân sự để công nhận nội dung thỏa thuận này.

Bị hại là chị Bùi Thị T không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết về trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, bị cáo không có tài sản, người đại diện hợp pháp của bị cáo phải nộp thay. Tuy nhiên gia đình bị cáo thuộc hộ cận nghèo, đã có đơn xin miễn án phí nên miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, các điểm h, s khoản 1 Điều 51, 38, 50, 90, 91 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với tội “*Trộm cắp tài sản*”. Các điểm a, i khoản 1 Điều 134, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, 38,

50, 90,,91 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với tội “*Cố ý gây thương tích*”;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 về quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội;

Căn cứ khoản 1 điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự quy định về xử lý vật chứng;

Căn cứ Điều 48 của Bộ luật hình sự; khoản 1 điều 584, khoản 1 điều 585, khoản 2 Điều 586, Điều 589, 590, 357 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, các điểm a, b khoản 1 Điều 23 và danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự về quyền kháng cáo;

Xử:

1. Tuyên bố bị cáo A X phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” và tội “*Cố ý gây thương tích*”;

Xử phạt A X 06 (sáu) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” và 06 (sáu) tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”. Buộc A X phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 12 (mười hai) tháng tù; thời gian tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (ngày 12/8/2021).

Không áp dụng hình phạt bổ sung về tội “*Trộm cắp tài sản*” đối với bị cáo.

2. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu và tiêu hủy 01 con dao quắm, dài 45cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 23cm, rộng từ 02cm – 3,2cm, cán dao bằng tre dài 22 cm, rộng 03cm có dây cao su màu đen quấn xung quanh.

Vật chứng được xử lý đã được ghi nhận theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 25-10-2021 giữa Cơ quan Công an huyện N, tỉnh Kon Tum với Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Kon Tum.

3. Về trách nhiệm dân sự: Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo với bị hại là ông A Nh, cụ thể:

A X có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho ông A Nh số tiền 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*). Thời gian bồi thường khi án có hiệu lực pháp luật. Nếu chậm bồi thường phải chịu lãi 10%/năm/số tiền chậm bồi thường.

A X không có tài sản của mình để bồi thường nên bà Y M là mẹ đẻ có trách nhiệm bồi thường thay cho A X.

4. Về án phí: A X phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng miễn nộp toàn bộ số tiền án phí này cho bị cáo.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo có quyền kháng cáo bản án; bị hại ông A Nh kháng cáo bản án liên quan đến tội “*Cố ý gây thương tích*”; anh A Đ kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi của mình, trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (27-10-2021). Bị hại chị Bùi Thị T kháng cáo bản án liên quan đến tội “*Trộm cắp tài sản*” trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Bị hại;
- Người liên quan;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Cơ quan ĐTCA; THAHS; THADS;
- Nhà tạm giữ CA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hảo